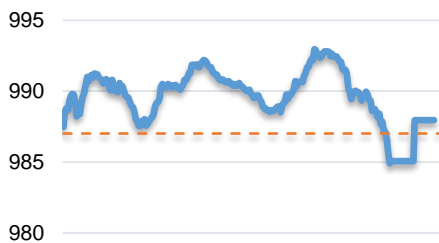


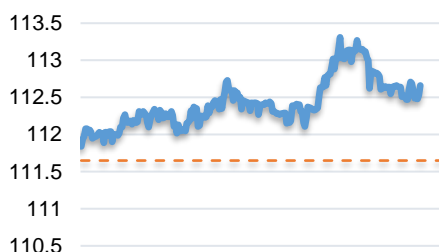
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	987.95	112.66	51.72
% ngày	0.10	0.91	0.52
% tuần	3.11	1.98	1.60
% tháng	1.01	1.99	0.19
% năm	23.07	7.88	(5.12)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,690	690	243
Hôm qua	3,535	519	254
TB 1 tháng	3,505	605	198
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	526.16	12.15	35.04
Bán	623.00	12.99	31.51
Giá trị ròng	(96.84)	(0.84)	3.53
Độ rộng TT			
Mã Tăng	165	86	72
Mã Giảm	106	71	70
Không Đổi	82	227	592
Chỉ số chính			
P/E	17.7x	10.7x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,155	196	856
LS Cổ tức	2.16	2.37	3.98

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNI INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tất cả các chỉ số trên thị trường Châu Á đều được phủ xanh, đặc biệt là các chỉ số tại thị trường Hongkong, Thailand tăng hơn 2.0%, Trung Quốc tăng hơn 1% trong phiên. Trong đó chỉ số VN-Index tuy có sự điều chỉnh vào cuối phiên tuy nhiên vẫn giữ được sắc xanh, tăng nhẹ 0.1% đóng cửa ở mức 988 điểm. Riêng sàn HNX và Upcom thì vẫn tăng nhẹ trên mỗi sàn và đóng cửa lần lượt ở mức 112.66 điểm và 51.72 điểm.

Chỉ số vẫn giao dịch rất tích cực trong đầu phiên chiều, có thời điểm chỉ số đã vượt qua mốc 990 điểm tuy nhiên áp lực bán cuối phiên đã diễn ra làm chỉ số giảm dưới mức tham chiếu vào đầu phiên ATC. Hàng loạt cổ phiếu trụ cột trên thị trường như VIC, GAS, PLX, VJC, VNM, VPB, VRE... đều chìm trong sắc đỏ. Nhóm cổ phiếu dầu khí có nhịp điều chỉnh trong phiên khi GAS, PLX, PVC, PVS đồng loạt giảm dưới mức tham chiếu.

Nhóm cổ phiếu bất động sản đỡ thị trường trong phiên khi đa số các cổ phiếu vốn hóa lớn đều tăng điểm như VHM, NVL, KDH, DXG, PDR, NLG, LDG... Trong đó cổ phiếu KDH được nước ngoài mua ròng 20 tỷ đồng trong phiên. Ngoài ra còn có nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tăng trong phiên như BVH, VCB, BID, TCB, CTG, HPG... đã giúp chỉ số không giảm dưới mức tham chiếu trong phiên.

Khối ngoại bán ròng hơn 94 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong phiên những mã bị bán ròng mạnh trong phiên có GEX với tổng giá trị bán ròng là gần 60 tỷ đồng, còn có các mã khác nhau DHG 15 tỷ, MSN 12 tỷ, VIC 11 tỷ và VJC là 10 tỷ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại trong phiên giao dịch kế tiếp, chỉ số VN30 có thể sẽ hướng về vùng giá 968.5 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho nên trạng thái giằng co sẽ tiếp tục diễn ra trong vài phiên tới, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là tâm lý nhà đầu tư tiếp tục lạc quan hơn với xu hướng của thị trường. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng dần.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 967.53 điểm của chỉ số VN-Index và 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét tích lũy ở các nhịp điều chỉnh về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 56% cổ phiếu/44% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.95	GIẢM	GIẢM		17.95				19.58		
ACB	33.40	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	7.88%			36.35		
ACV	84.50	TĂNG	GIẢM	84.10	80.29	0.48%			95.72		
ANV	19.50	TĂNG	GIẢM	18.90	18.53	3.17%			21.39		
ASM	12.80	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-3.76%			14.14		
BFC	26.30	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	82.40	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-1.44%			104.52		
BID	35.00	TĂNG	TĂNG	25.80	32.73	35.66%		33.40	27.33	4.79%	
BMP	56.00	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	-0.36%			62.30		
BSR	18.10	TĂNG	GIẢM	18.10	17.91	0.00%	MUA		19.99		
BVH	99.00	TĂNG	TĂNG	95.70	89.16	3.45%		86.00	74.55	15.12%	MUA
BWE	18.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	4.52%			19.20		
CEO	13.80	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	2.99%			14.91		
CHP	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-3.40%	
CSM	14.15	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	-0.70%		14.39	12.77	-1.67%	
CTD	163.20	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.16%		161.20	140.04	1.24%	
CTG	26.65	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	11.04%			28.07		
CTI	26.90	GIẢM	GIẢM		28.06				33.12		
CVT	24.35	GIẢM	GIẢM		25.65				29.58		
DCM	10.35	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	1.85%			10.69		
DGW	25.95	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	8.58%			26.51		
DHA	27.30	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	40.20	GIẢM	GIẢM		40.34				43.77		
DHG	93.20	GIẢM	GIẢM		95.07				106.33		
DPG	51.10	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	24.94%		52.00	38.30	-1.73%	
DPM	17.35	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.80	TĂNG	GIẢM	37.50	36.19	-1.87%			39.04		
DQC	28.80	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-2.54%			30.33		
DRC	26.65	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	3.09%		24.30	22.34	9.67%	
DXG	28.15	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.86	GIẢM	GIẢM		9.18				10.54		
FCN	15.90	GIẢM	TĂNG		16.34			17.70	14.10	-10.17%	
FIT	4.29	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	0.47%			4.98		
FMC	26.35	TĂNG	TĂNG	21.20	24.94	24.29%		24.70	20.29	6.68%	
FPT	43.40	GIẢM	GIẢM		44.10				45.46		
GAS	108.00	TĂNG	TĂNG	101.50	100.43	6.40%		103.00	83.67	4.85%	
GEX	28.90	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-3.99%	
GIL	51.00	TĂNG	TĂNG	41.65	50.29	22.45%		34.90	43.69	46.13%	

We Create Fortune

GMD	27.00	TĂNG	GIẢM	25.40	26.01	6.30%		28.65			
GTN	10.70	GIẢM	TĂNG		11.42		11.20	9.83	-4.46%		
HAG	6.15	GIẢM	TĂNG		6.51		6.19	5.86	-0.65%		
HAX	16.00	TĂNG	GIẢM	16.40	15.61	-2.44%		18.52			
HBC	22.75	GIẢM	GIẢM		23.14			27.24			
HDB	38.60	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	1.05%		42.32			
HNG	16.90	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	1.20%	8.20	14.10	106.10%		
HPG	39.75	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	6.85%		42.50			
HSG	11.35	TĂNG	GIẢM	11.35	11.16	0.00%	MUA	13.29			
HT1	13.85	TĂNG	TĂNG	11.75	12.86	17.87%		13.00	12.91	6.54%	MUA
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.45			6.72			
HVN	37.70	GIẢM	TĂNG		39.79		39.20	31.92	-3.83%		
ITD	11.90	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-4.03%	12.40	11.14	-4.03%		
KBC	11.95	GIẢM	GIẢM		12.33			13.24			
KDH	33.85	TĂNG	TĂNG	30.30	31.47	11.72%		33.01			
KSB	32.20	TĂNG	GIẢM	30.95	30.75	4.04%		33.01			
LCG	9.26	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-2.11%	9.39	8.19	-1.38%		
LDG	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	14.27	2.00%		15.06			
LIX	41.50	TĂNG	GIẢM	41.20	39.85	0.73%		43.86			
LPB	9.00	GIẢM	GIẢM		9.46			11.56			
LSS	6.75	GIẢM	GIẢM		6.85			7.75			
MSN	92.40	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	16.81%	90.60	80.07	1.99%		
MWG	121.50	GIẢM	TĂNG		121.79		121.00	106.33	0.41%		
NKG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.20			16.46			
NLG	30.80	GIẢM	GIẢM		31.54			31.83			
NT2	28.20	TĂNG	GIẢM	27.20	26.18	3.68%	MUA	28.69			
NTL	9.67	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.57%	10.45	8.94	-7.46%		
NTP	49.60	GIẢM	GIẢM		50.59			51.08			
PAC	41.90	TĂNG	GIẢM	40.20	39.51	4.23%		42.18			
PC1	25.85	GIẢM	GIẢM		26.03			28.95			
PDR	25.70	GIẢM	GIẢM		26.24			29.12			
PGC	14.15	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.39%		15.68			
PHR	24.85	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	13.47%	24.00	21.67	3.54%		
PLX	69.80	TĂNG	TĂNG	60.50	67.56	15.37%	68.00	57.13	2.65%		
PNJ	101.50	GIẢM	TĂNG		102.91		103.90	86.95	-2.31%		
POW	14.70	TĂNG	TĂNG	13.00	14.07	13.08%	14.10	11.31	4.26%		
PPC	18.80	TĂNG	GIẢM	18.50	17.84	1.62%		19.21			
PTB	57.50	GIẢM	TĂNG		59.89		64.00	53.16	-10.16%		
PVD	16.15	TĂNG	TĂNG	15.75	14.55	2.54%	16.35	11.96	-1.22%		
PVI	31.30	TĂNG	GIẢM	29.90	29.31	4.68%		33.24			
PVS	22.20	TĂNG	TĂNG	17.00	20.51	30.59%	20.90	16.24	6.22%		
PXS	6.17	TĂNG	TĂNG	6.17	6.15	0.00%	MUA	6.19	4.60	-0.32%	
RAL	89.00	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	-2.20%		100.14			



We Create Fortune

REE	35.30	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-3.02%	
SAB	222.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	6.73%			233.02		
SAM	7.86	TĂNG	TĂNG	7.16	7.26	9.78%			7.59		
SBV	23.70	GIẢM	GIẢM		25.21				28.78		
SCR	9.16	GIẢM	GIẢM		9.45				10.30		
SHI	6.05	GIẢM	TĂNG		6.27			6.99	5.88	-13.45%	
SJS	18.85	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	23.70	TĂNG	TĂNG	23.70	22.66	0.00%	MUA	23.10	20.01	2.60%	
SSI	31.80	TĂNG	GIẢM	29.55	30.48	7.61%			34.19		
STB	12.05	TĂNG	GIẢM	11.20	11.49	7.59%			12.71		
SVC	43.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCB	25.20	GIẢM	GIẢM		26.42				N/A		
TCM	25.80	TĂNG	TĂNG	17.80	24.34	44.94%		21.60	18.06	19.44%	
TDH	11.35	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.99%			12.95		
TLH	7.15	GIẢM	GIẢM		7.39				8.20		
TMT	8.69	TĂNG	TĂNG	7.60	7.11	14.34%			7.28		
TNG	12.80	TĂNG	TĂNG	10.80	12.06	18.52%		12.00	10.14	6.67%	
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		10.78				12.18		
VCB	62.90	GIẢM	GIẢM		63.68				64.41		
VFG	35.50	GIẢM	TĂNG		37.58			34.39	32.56	3.22%	
VGC	18.60	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	3.91%			21.13		
VHM	105.10	GIẢM	N/A		108.20						
VIB	27.40	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67		
VIC	100.30	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-10.04%	
VIP	6.91	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	148.00	GIẢM	TĂNG		154.95			156.00	130.21	-5.13%	
VNM	132.10	TĂNG	GIẢM	132.00	127.97	0.08%			144.03		
VPB	24.30	GIẢM	GIẢM		25.97				31.61		
VRC	22.90	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	29.01%		19.35	19.40	18.35%	
VRE	37.70	GIẢM	GIẢM		38.72				44.98		
VSC	39.85	GIẢM	TĂNG		41.60			35.30	34.91	12.89%	
VSH	17.30	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	-0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	987.95	0.10
VN30	957.17	(0.16)
VN Mid	1,024.86	0.43
VN Small	820.68	0.41

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	112.66	0.91
HN30	204.65	0.83
VNX AllSh	1,384.17	0.12

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.72	0.52

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	526.16	
Bán	623.00	
GT ròng	(96.84)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.15	
Bán	12.99	
GT ròng	(0.84)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.04	
Bán	31.51	
GT ròng	3.53	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	280	6.98%
HVG	300	6.79%
HSG	650	6.07%
BCG	350	5.07%
SKG	1100	4.87%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SLS	6400	10.00%
AMV	1500	6.12%
CEO	500	3.76%
NDN	500	3.52%
VCS	2500	2.77%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GEG	700	6.36%
MPC	1400	3.63%
ACV	1500	1.81%
BSR	300	1.69%
VGT	100	0.93%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAR	-200	-3.17%
HAX	-300	-1.84%
PLX	-1,200	-1.69%
PMG	-350	-1.67%
TCH	-400	-1.56%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	-100	-7.14%
L14	-800	-1.70%
PVS	-300	-1.33%
NVB	-100	-1.16%
TV2	-1,400	-1.13%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	-300	-1.99%
NTC	-600	-0.94%
HVN	-300	-0.79%
VIB	-100	-0.36%
QNS	-100	-0.26%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	320,120	
VHM	281,627	
VNM	230,045	
VCB	226,300	
GAS	206,707	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,655	
VCS	14,848	
SHB	10,106	
PVS	9,917	
VGC	8,339	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	183,967	
BSR	56,119	
MCH	54,040	
HVN	47,103	
POW	34,426	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HSG	8.09	3.02
STB	7.45	5.42
HQC	5.02	3.28
PVD	4.99	3.76
HPG	4.75	5.51

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	8.26	6.91
ACB	6.40	5.07
PVS	5.97	7.24
DST	3.09	0.95
HUT	3.04	1.23

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	2.99	2.16
ART	2.66	1.03
POW	1.47	1.64
LPB	1.09	1.80
VGT	0.97	0.62

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

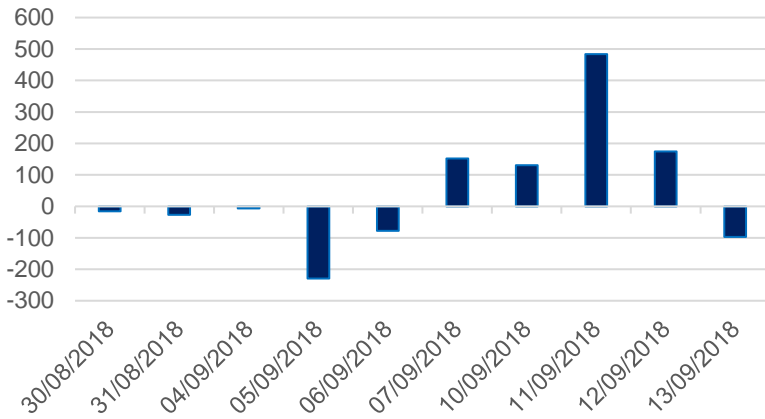
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

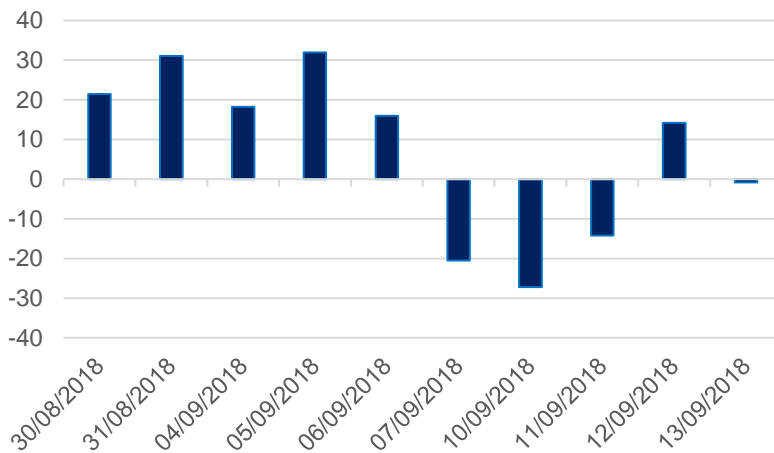
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HDB	19,185	GEX	(59,435)
HPG	14,272	DHG	(14,557)
VCB	13,144	MSN	(11,535)
KDH	11,985	VIC	(10,751)
VNM	11,453	VJC	(10,301)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

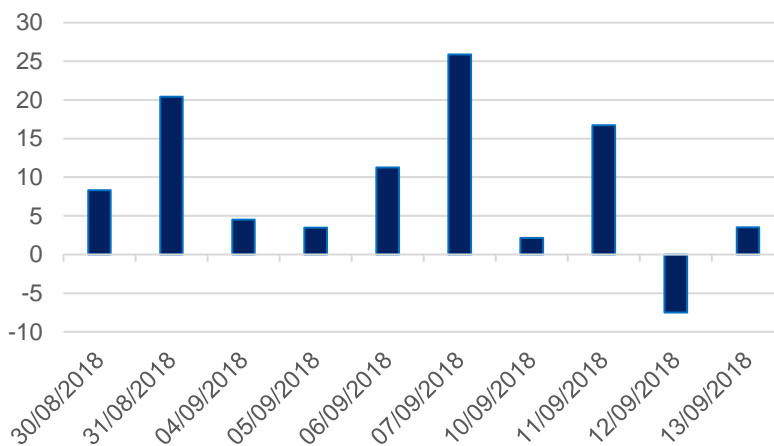
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHS	1,305	HAD	(1,354)
CEO	907	TNG	(520)
PVB	242	PVS	(507)
VGC	106	PVC	(346)
HMH	102	S55	(253)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	3,185	VGT	(3,796)
ACV	2,550	ART	(493)
POW	1,449	LPB	(414)
GEG	569	GVR	(355)
MPC	521	BSR	(247)

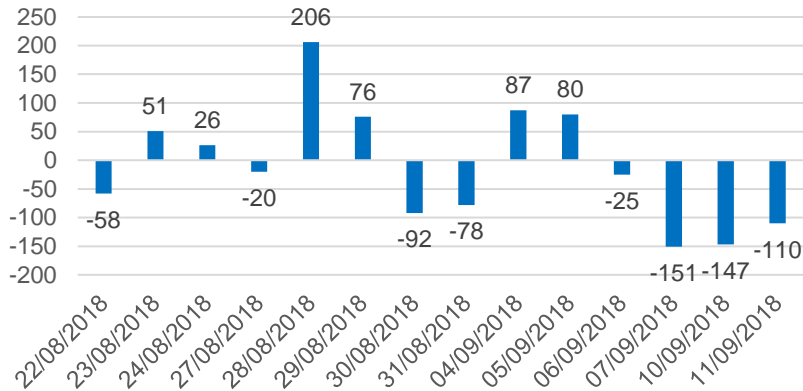
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

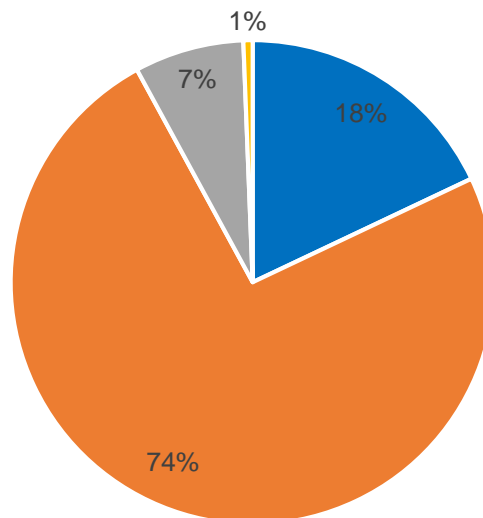


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
GEX	60,714	NVL	33,352
MSN	47,635	CTG	5,589
NVL	35,538	E1VFN30	5,508
MWG	17,099	MWG	4,283
VIC	12,408	VIC	3,173

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



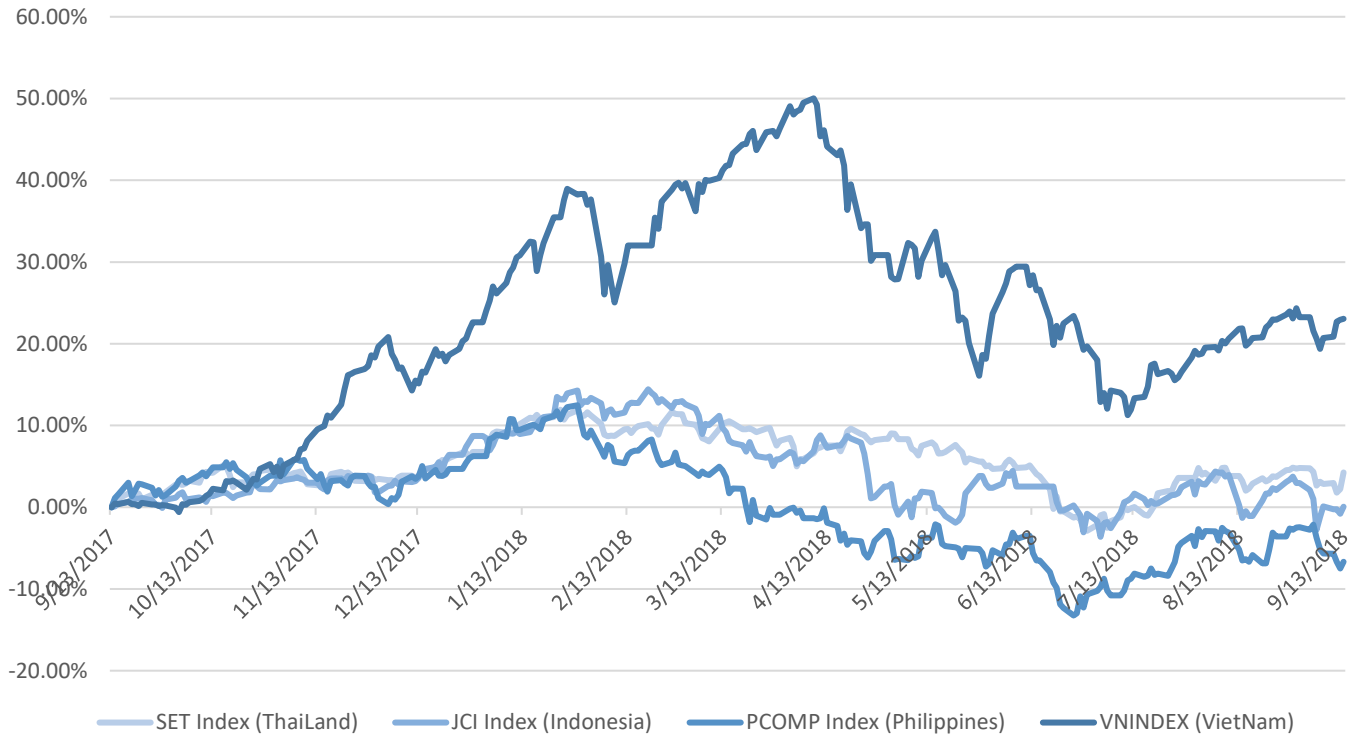
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

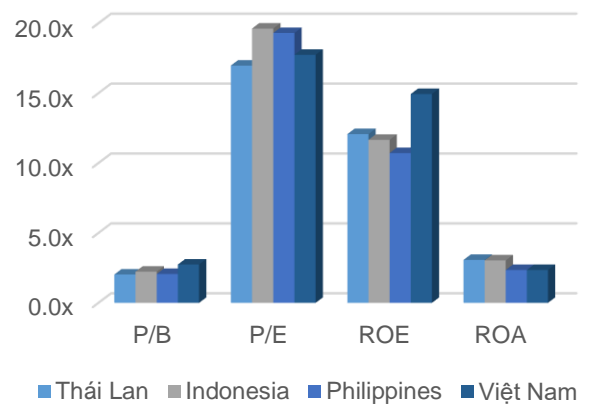
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		17.0x	19.6x	19.3x	17.7x
ROE	%	12.08	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	518.49	441.18	173.59	135.53
GTGD	Triệu USD	1.64	0.37	0.07	0.16
LS cổ tức	%	3.08	2.33	1.57	2.16

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written